

Name: _____
Class: S7

Date: .../.../20...
Tel: 038 255 2594

GLOBAL ENGLISH 7: UNIT 5 – THE GREAT OUTDOORS VOCABULARY 1

A. VOCABULARY

***Lưu ý:** Các từ vựng mở rộng thầy cô cho ghi trong vở (nếu có) và các từ vựng mở rộng trong phiếu để có chủ thích nghĩa: con về nhà chép mỗi từ 1 dòng để ghi nhớ nhé.

No.	New words	Meaning	No.	New words	Meaning
1	first-aid kit (n)	túi y tế cá nhân	14	filter (v)	lọc, xâm nhập, thấm qua
2	compass (n)	cái la bàn	15	fragrance (n)	mùi thơm, hương thơm
3	waterproof (a)	không thấm nước	16	dip (v)	nhúng, chìm xuống
4	put up a tent	dựng lều	17	release (v)	thả, phóng thích
5	identify (v)	nhận ra, nhận dạng	18	state of mind	trạng thái cảm xúc
6	vitality (n)	sức sống, sinh khí	19	navigate (v)	lái (tàu thủy, máy bay, ...)/ tìm vị trí và đánh dấu đường đi (tàu thủy, máy bay, ...)
7	scent (n)	mùi thơm, hương thơm	20	ration (n)	khẩu phần
8	rejuvenate (v)	làm (ai) trẻ lại, làm (ai) khỏe lại	21	paragliding (n)	môn thể thao dù lượn
9	bridge the gap	thu hẹp khoảng cách	22	sky diving (n)	nhảy dù
10	rustling (n)	tiếng xào xạc, tiếng sột soạt	23	canyoning (n)	đu dây trượt thác
11	well-being (n)	tình trạng hạnh phúc, khỏe mạnh	24	white-water rafting (n)	chèo thuyền vượt thác ghềnh
12	adventurous (a)	phiêu lưu, mạo hiểm	25	zorbing (n)	trò chơi bóng lăn
13	glow-worm (n)	con đom đóm	26	bungee jumping (n)	nhảy bungy

*** Note:** **n = noun:** danh từ; **v = verb:** động từ; **a = adjective:** tính từ

*** Con học thuộc nghĩa của từ, chép mỗi từ 1 dòng vào vở ghi và chính phát âm theo từ điển.**

B. HOMEWORK

I. Match the word or phrase with its definition

0. compass	0 - B	A. a box or bag containing basic medical equipment
1. dip	1 -	B. a device for finding direction with a needle that can move easily and that always points to magnetic (chất có tính từ) north
2. paragliding	2 -	C. the sport of jumping out of an aircraft with a special <i>parachute</i> (cái dù) that allows you to travel a long <i>horizontal</i> (nằm ngang) distance before you land
3. well-being	3 -	D. not allowing water to go through
4. first-aid kit	4 -	E. to put something into a liquid for a short time
5. waterproof	5 -	F. the state of feeling healthy and happy

II. Fill in the blank with the word/ phrase in the box

put up a tent	scent	vitality	relatives	rustling	identify
---------------	-------	----------	----------------------	----------	----------

0. Have you got any relatives you have never met?

1. If you want to _____, you'll have to look for a nice *flat piece of ground* (mảnh đất bằng phẳng).

2. Even the smallest baby can _____ its mother by her voice.

3. The air was filled with the _____ of wild flowers.

4. We heard the soft _____ of leaves in the forest.

5. She is *bursting* (bùng nổ) with _____ and new ideas.

III. Choose the correct form of words in the brackets to make complete sentences

0. I've never been to Europe before. (**be**)

1. For the more _____ tourists, there are trips into the mountains with a local guide. (**adventure**)

2. Use a *sunblock* (kem chống nắng) that _____ UVA effectively. (**filtering**)

3. He was _____ without *charge* (tiền công) after questioning by police. (**releasing**)

4. Sailors have special equipment to help them _____. (**navigation**)

5. _____ have no wings and produce green lights at the end of the tails. (**glow-worm**)

IV. Circle the correct answer A, B or C

0. I must book a _____ for our game of tennis tomorrow.

A. court

B. field

C. team

1. New Zealand was the birthplace of *commercial* (thuộc về thương mại) _____.

A. bungee jumping

B. glow-worm

C. ration

2. The new degree course aims to _____ between education and industry.

A. put up a tent

B. bridge the gap

C. rejuvenate

3. Henry's new job seemed to _____ him.

A. rejuvenate

B. navigate

C. dip

4. An activity in which someone rolls down a hill in a large *transparent* (trong suốt) plastic ball is _____.

A. zorbing

B. canyoning

C. white-water rafting

5. I was not in the right _____ to laugh at his jokes.

A. state of minds

B. state of mind

C. stating of mind

Questions 1–5

- Look at the text in each question.
- What does it say?
- Mark the letter next to the correct explanation – **A, B or C** – on your answer sheet.

Example:

0

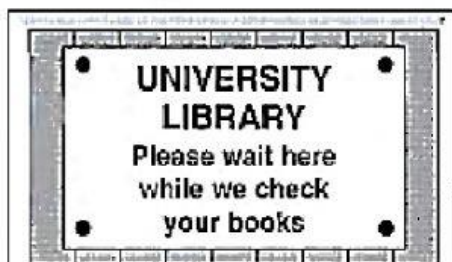


- A Do not leave your bicycle touching the window.
- B Broken glass may damage your bicycle tyres.
- C Your bicycle may not be safe here.

Example answer:

Part 1			
0	A	B	C
	☒	☐	☐

1



- A Do not go away until we have checked your books.
- B Check you have all your books before you leave the library.
- C Do not leave books here for checking without telling us.

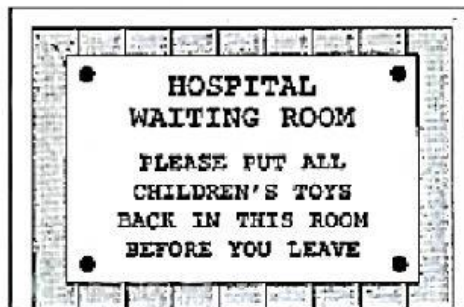
2



Why has Kim emailed Sally?

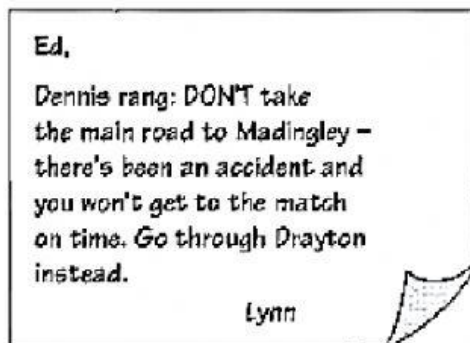
- A to give her some details
- B to let her know that he's ill
- C to remind her to do something

3



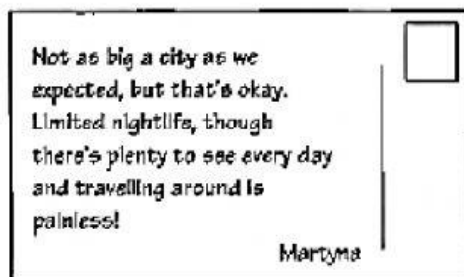
- A We leave some toys at the back of this room for children.
- B Please don't leave any toys outside this room when you go.
- C Remember to take your children's toys with you when you leave.

4



- A To arrive punctually, Ed should use a different route.
- B Dennis suggests that it's quicker to go on the main road.
- C If there's enough time, Lynn would like to see the match.

5



According to Martyna, the city's disadvantage is

- A its actual size.
- B its transport system.
- C its evening entertainment.

Questions 1–5

- Here are some sentences about a student who is living in a flat.
- For each question, complete the second sentence so that it means the same as the first, using no more than three words.
- Write only the missing words on your answer sheet.

Example: The flat is near my college.

The flat is not far from my college.

- 1 My friend told me that I could stay in his flat.

My friend said: 'You my flat.'

- 2 I started living here two months ago.

I have lived here two months ago.

- 3 This is the first time I've lived in a city.

I've in a city before.

- 4 The flat has two bedrooms.

There in the flat.

- 5 My bedroom is too small for all my books.

My bedroom is not for all my books.

Question 6

You have just joined a club in your area and you think your English friend Max would enjoy going there with you.

Write an email to Max. In your email, you should

- explain which club you have joined
- suggest Max should visit the club
- say what you could do there together.

Write 35–45 words on your answer sheet.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

PET 4 – TEST 1 – LISTENING PART 2
Con hãy mở link nghe sau bằng máy tính nhé:
<https://tinyurl.com/4r84hp26>

Questions 8–13

- You will hear an interview with Angela Morgan, who has recently flown around the world in a helicopter.
- For each question, put a tick (✓) in the correct box.

- | | |
|---|--|
| 8 The main reason for Angela's trip was to | A ☐ make money for her business.
B ☐ make money for other people.
C ☐ have an exciting adventure. |
| 9 What does Angela say about her life now? | A ☐ She feels much older.
B ☐ She likes to be active and busy.
C ☐ She is lonely without her children. |
| 10 When Angela had flying lessons | A ☐ her course lasted five months.
B ☐ her husband took lessons as well.
C ☐ she got to know her teacher well. |
| 11 During the trip, Angela and her teacher | A ☐ did very little sightseeing.
B ☐ carried all the water they needed.
C ☐ had engine problems several times. |
| 12 What did Angela enjoy most about the trip? | A ☐ flying at night
B ☐ walking in the desert
C ☐ watching the changes in the scenery |
| 13 What did Angela miss most while she was away? | A ☐ modern bathrooms
B ☐ regular exercise
C ☐ interesting entertainment |

Fill in the blanks with the missing English letters

English words	Meanings	English words	Meanings
0. <u>brilliant</u>	rực rỡ (a)	13. r_____	bè gỗ (n)
1. a_____	hấp dẫn (a)	14. f_____	phà (n)
2. c_____	tắc nghẽn (giao thông) (a)	15. t_____ o_____	đảm nhận (v.phr)
3. c_____	sự tắc nghẽn (giao thông) (n)	16. m_____ p_____	cảng biển chính (n.phr)
4. c_____	đông đúc (a)	17. p_____ e_____	động cơ xăng (n.phr)
5. h_____	có ý nghĩa/ tính chất lịch sử (a)	18. a_____	ông bà, tổ tiên (n)
6. e_____	thanh lịch (a)	19. g_____ -g_____	ông bà cổ (n)
7. l_____	sống động (a)	20. n_____	cháu trai (con của anh, chị, em) (n)
8. p_____	bị ô nhiễm (a)	21. n_____	cháu gái (con của anh, chị, em) (n)
9. c_____	êm đềm, bình tĩnh (a)	22. o_____	trước kia, xưa kia, đã có một thời (adv)
10. a_____	thấm, hút (nước)/ hấp thu (v)	23. c_____	(sinh học) tế bào (n)
11. c_____	đi lại thường xuyên giữa hai nơi (v)	24. a_____	dòng họ, tổ tông (n)
12. c_____	người đi lại thường xuyên giữa hai nơi (n)	25. c_____	kênh đào (n)

*** Lưu ý:** Với những từ con không nhớ và viết sai, con chép từ đó vào vở 2 dòng.